

CASF

KEO & DUNG DỊCH CHUYÊN DỤNG



CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT KEO VÀ DUNG DỊCH CHUYÊN DỤNG Ô TÔ CHU LAI

 KCN Cơ khí Ô tô Chu Lai - Trường Hải, Tam Hiệp, Núi Thành, Quảng Nam.
 (+84)2353 567 161 | (+84)935 372 237  casf@thaco.com.vn



NỘI DUNG

DUNG DỊCH CHUYÊN DỤNG

- Dung dịch vệ sinh buồng đốt DDC2201, DC2001
- Dung dịch súc rửa động cơ (EFA)
- Nước làm mát động cơ pha sẵn CF2003
- Dung dịch xử lý khí thải động cơ DEF2001
- Nước rửa kính WF2001
- Dầu phanh DOT 3, DOT 4
- Dung dịch châm bình ắc quy AC0901
- Nước DI

KEO CHUYÊN DỤNG

- Keo silicone SS601
- Keo polyurethane PU901

BĂNG KEO

- Màng chắn sơn
- Băng keo giấy
- Băng keo xốp 2 mặt
- Băng keo trong





DUNG DỊCH VỆ SINH BUỒNG ĐỐT

Là dung dịch được thiết kế đặc biệt nhằm làm sạch hệ thống nhiên liệu, loại bỏ cặn cacbon tích tụ lâu ngày và khôi phục hiệu suất động cơ.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT		
HẠNG MỤC	DDC2201	DC2001
Ngoại quan	Chất lỏng, màu nâu	Chất lỏng, màu vàng nhạt
Mùi	Dung môi dầu	Hydrocacbon thơm
Tỷ trọng ở 15 °C	0,84 g/cm³	0,949 g/cm³
Điểm chớp cháy	69 °C	79 °C
Khả năng hòa tan trong nước	Không hòa tan	
Động cơ	Diesel	Xăng
Quy cách/Đóng gói	250 ml/chai, 20 chai/thùng	200 ml/chai, 20 chai/thùng

ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT

- Vệ sinh cặn cacbon tích tụ trong hệ thống nhiên liệu.
- Khôi phục hiệu suất và khả năng tăng tốc của động cơ.
- Loại bỏ sự hụt hơi của động cơ và chạy không tải không ổn định.
- Ngăn ngừa lỗi bên trong động cơ phát ra âm thanh bất thường.

DUNG DỊCH SÚC RỬA ĐỘNG CƠ (EFA)

Là dung dịch dành cho đường ống dẫn dầu nhớt trong động cơ, được thiết kế đặc biệt nhằm vệ sinh đường ống dẫn và khôi phục hiệu suất động cơ.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT	
Ngoại quan	Chất lỏng, màu nâu
Mùi	Mùi dầu
Tỷ trọng (15 °C)	0,919 g/cm³
Điểm chớp cháy	136 °C
Khả năng hòa tan trong nước	Không tan trong nước
Quy cách/Đóng gói	300 ml/chai, 12 chai/thùng

ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT

- Loại bỏ cặn bẩn và lớp dầu nhớt bẩn được tích tụ trong động cơ.
- Khôi phục tính ổn định động cơ.
- Giảm tiếng ồn động cơ.
- Khôi phục hiệu suất tăng tốc.
- Vòng quay tốt hơn ở tốc độ cao.



NƯỚC LÀM MÁT ĐỘNG CƠ PHA SẴN CF2003

Thành phần gồm Ethylene Glycol và chất ức chế ăn mòn (không chứa Amines và Borax) không tạo cặn và mang lại hiệu quả lâu bền đối với mọi hệ thống làm mát.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT		
Ngoại quan		Dạng lỏng, màu xanh lá, không cặn, không phân lớp
Điểm đông đặc, [°C]	50% thể tích	Max. -24
pH	50% thể tích	7,5 ~ 9,5
Tính chất ăn mòn kim loại trong cốc thủy tinh (khối lượng kim loại thay đổi mg/mẫu)	Đồng thau	Max.10
	Đồng đỏ	Max.10
	Chất hàn	Max.15
	Thép	Max.10
	Gang	Max.10
	Nhôm	Max.15
Quy cách/Đóng gói		Can 5 lít; 5 can/ thùng 20 lít, 200 lít, 1.000 lít (ở dạng can, phuy hoặc bồn nhựa)

ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT

- Giúp làm ngưng sự gia tăng nhiệt quá độ của động cơ, tránh bị sôi kết nước.
- Bảo vệ chống gỉ sắt, chống ăn mòn trong hệ thống làm mát.
- Không ảnh hưởng đến các chi tiết cao su và vật liệu lọc của hệ thống làm mát.



DUNG DỊCH XỬ LÝ KHÍ THẢI ĐỘNG CƠ DEF2001

Là dung dịch không màu, trong suốt với thành chính là Urê có độ tinh khiết cao được sử dụng trong tất cả các hệ thống SCR (Selective Catalytic Reduction).

Đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn **ISO 22241** và phù hợp để sử dụng cho các xe, tàu và thiết bị nặng chạy bằng động cơ diesel có sử dụng hệ thống xử lý khí thải SCR.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT	
Chỉ tiêu	Giới hạn
Hàm lượng ure, %wt	31,8 - 33,2
Khối lượng riêng, kg/m ³	1,087 – 1,093
Chỉ số khúc xạ	1,3814 – 1,3843
Độ kiềm tổng (NH ₃), %wt	≤ 0,2
Hàm lượng Biuret, %wt	≤ 0,3
Hàm lượng Aldehyde, mg/kg	≤ 5,0
Hàm lượng Cặn, mg/kg	≤ 20
Quy cách/Đóng gói	20 lít, 200 lít hoặc 1.000 lít (ở dạng can, phuy hoặc bồn nhựa)

ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT

- DEF2001 được phun vào dòng khí thải nóng sau bộ lọc bụi, nhằm chuyển hóa các oxit nitơ (NOx) có hại thành khí nitơ và hơi nước (vô hại) trước khi thải ra ngoài môi trường.
- Không gây tắt nghẽn vòi phun cũng như không làm ảnh hưởng đến lớp xúc tác của hệ thống xử lý khí thải SCR.
- Không độc hại, không cháy nổ và không nguy hại.



NƯỚC RỬA KÍNH WF2001

Được sản xuất, kiểm soát phù hợp theo tiêu chuẩn cơ sở số **TCCS 04:2021/CASF**, và đã được kiểm tra phù hợp theo tiêu chuẩn **JIS K 2398** của Nhật Bản, tiêu chuẩn **MS 568-02** của Hyundai & KIA Motors và phù hợp với điều kiện khí hậu Việt Nam.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT	
Ngoại quan	Chất lỏng, màu xanh dương, không cặn, không phân lớp
Tính tẩy rửa	Sạch, không để lại dấu trên kính
pH	7,0 ~ 8,5
Quy cách/Đóng gói	Chai 1 lít, 15 chai/ thùng 2 lít, 5 lít hoặc 200 lít (ở dạng can hoặc phuy nhựa)

ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT

- Thời gian bay hơi nhanh ngay tại điều kiện môi trường.
- Không ảnh hưởng đến chất lượng lớp sơn của xe.
- Không gây ăn mòn các chi tiết kim loại, không làm lão hóa cao su và không làm ảnh hưởng đến chi tiết bằng nhựa của xe.
- Không đóng cặn, không bị kết tinh làm tắc đường ống hoặc vòi phun hệ thống rửa kính.
- Giúp cho hoạt động của cần gạt được trơn tru, không bị mài mòn do ma sát góp phần làm tăng tuổi thọ cần gạt và bảo vệ bề mặt kính lái khỏi các vết xước.
- Nhiệt độ điểm đông thấp dưới 0°C, đảm bảo cho hệ thống rửa kính hoạt động trong mọi điều kiện thời tiết tại Việt Nam mà không lo nước rửa kính trong hệ thống bị đóng băng.



DẦU PHANH

Với các thành phần là hỗn hợp của các Glycol và phụ gia phù hợp cho các hệ thống phanh thủy lực, côn ly hợp của các loại xe và phương tiện vận tải khác có sử dụng dầu phanh.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT		
HẠNG MỤC	DOT 3	DOT 4
Ngoại quan	Chất lỏng, màu hổ phách (vàng đậm), không cặn, không phân lớp	
Nhiệt độ điểm sôi, °C	Min. 230	Min. 255
pH	7,0 ~ 11,5	
Quy cách/Đóng gói	Chai 1 lít; 15 chai/ thùng	

ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT

- Đảm bảo sự truyền lực linh hoạt tại nhiệt độ cao, tốc độ cao, nóng ẩm.
- Chống lại sự ăn mòn các bộ phận kim loại hoặc phi kim loại trong hệ thống phanh xe.
- Bôi trơn các bộ phận trong hệ thống phanh, làm tăng tuổi thọ hệ thống bơm.
- Nhiệt độ sôi cao và không sản sinh bọt khí.
- Độ linh hoạt nhớt theo nhiệt độ tốt.



DUNG DỊCH CHÂM BÌNH ẮC QUY AC0901

Thành phần chính gồm axit sulfuric H₂SO₄ được pha loãng dùng để châm đầy lần đầu hoặc bổ sung cho các loại bình ắc quy chì - axit.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT	
Ngoại quan	Chất lỏng không màu, đồng nhất, không cặn, không có tạp chất
Tỷ trọng (25÷30 °C)	1,24 - 1,26
Quy cách/Đóng gói	Can 25 kg

ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT

- Dung dịch trong suốt, không cặn, không tạp chất.
- Thành phần chính gồm axit sulfuric H₂SO₄ pha loãng.
- Tính ăn mòn cao và có thể gây bỏng rất khi tiếp xúc.

NƯỚC DI

Nước DI (Deionized Water) được xử lý loại bỏ các khoáng chất và muối ion hóa thông qua quá trình trao đổi ion, tạo thành dung dịch nước có độ tinh khiết cao.

Ứng dụng ngành ô tô: làm dung môi trong các sản phẩm Dung dịch châm bình ắc quy, nước làm mát động cơ, nước rửa kính ô tô...

THÔNG SỐ KỸ THUẬT	
Ngoại quan	Chất lỏng trong suốt, không màu, không mùi
Tổng chất rắn hòa tan TDS, ppm	Max. 3
Độ dẫn điện, µS/cm	Max. 3
pH	6,5 ÷ 7,5
Quy cách/Đóng gói	20 lít, 200 lít hoặc 1.000 lít (ở dạng can, phuy hoặc bồn nhựa)

ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT

- Nước có độ tinh khiết cao.
- Không chứa các tạp chất, khoáng chất và các muối ion hóa.



KEO SILICONE SS601

Là loại keo **gốc silicone** một thành phần, tính trung tính và dễ dàng sử dụng. Keo SS601 tự lưu hóa ở nhiệt độ thường trong không khí để tạo thành loại vật liệu trám trét bền vững và hiệu quả lâu dài.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT	
Đặc tính	Trung tính, một thành phần
Màu sắc	Trắng, đen, xám
Tỷ trọng (g/cm³)	1,5 ± 0,1
Thời gian khô bề mặt (phút)	10 - 30
Độ giãn dài (%)	800 - 950
Độ cứng (Shore A)	25 - 40
Tốc độ lưu hóa (mm/24h)	3 ± 0,5
Quy cách/Đóng gói	300 ml/tuýp, 24 tuýp/thùng

ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT

- Một thành phần, không ô nhiễm, lưu hóa trung tính.
- Không chảy keo khi sử dụng và sau khi lưu hóa.
- Khả năng chịu nhiệt tốt, từ -20 °C đến +180 °C sau khi lưu hóa.
- Có khả năng bám dính rất tốt lên bề mặt vật liệu sau khi được lưu hóa hoàn toàn.
- Chống chịu thời tiết tốt, chống thấm nước, chống lão hóa, độ đàn hồi và giãn dài tốt

KEO POLYURETHANE PU901

Là loại keo **gốc Polyurethane** một thành phần, dễ dàng sử dụng. Keo PU901 tự lưu hóa ở nhiệt độ thường trong không khí để tạo thành loại vật liệu trám trét bền vững và liên kết lâu dài.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT	
Đặc tính	Gốc polyurethane, một thành phần
Màu sắc	Trắng, đen, xám
Tỷ trọng (g/cm³)	1,5 ± 0,1
Thời gian khô bề mặt (phút)	20
Tốc độ lưu hóa (mm/24h)	4 - 5
Độ cứng (Shore A)	40
Quy cách/Đóng gói	300 ml/tuýp, 24 tuýp/thùng

ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT

- Một thành phần, không ô nhiễm, không ăn mòn, không có mùi khó chịu.
- Không chảy keo khi sử dụng và sau khi lưu hóa.
- Khả năng chịu nhiệt tốt, từ -40 °C đến +90 °C sau khi lưu hóa.
- Có khả năng bám dính rất tốt lên bề mặt vật liệu sau khi được lưu hóa hoàn toàn.
- Khả năng chống chịu thời tiết tốt, chống thấm nước, độ bền cao và chống va đập tốt.



MÀNG CHẮN SƠN

Màng chắn sơn là sản phẩm được sử dụng trong lĩnh vực sơn ô tô và dân dụng; một đầu có băng keo giấy giúp định hình bề mặt sơn cục bộ, không để lại vết keo sau khi tháo gỡ.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT			
PHẦN BĂNG KEO		PHẦN MÀNG NI LÔNG	
Độ dày, μm	150 ± 10	Độ dày, μm	9 ± 1
Màu sắc	Vàng nhạt	Màu sắc	Trong suốt
Chiều rộng, mm	16	Tính chất	Màng ni lông HDPE tĩnh điện
Khả năng chịu nhiệt, $^{\circ}\text{C}$	$\leq 100^{\circ}\text{C}/60$ phút	Khả năng chịu nhiệt, $^{\circ}\text{C}$	$\leq 100^{\circ}\text{C}/60$ phút
Khả năng phản ứng	Không phản ứng sơn, dung môi...	Khả năng phản ứng	Không phản ứng sơn, dung môi...
Quy cách/Đóng gói	Cuộn 450 x 20.000 mm; 40 cuộn/thùng		
	Cuộn 900 x 20.000 mm; 20 cuộn/thùng		

ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT

- Băng keo giấy chất lượng cao, chịu được nhiệt độ cao trong phòng sấy, bám dính tốt, không để lại vết keo sau khi gỡ.
- Màng ni lông nguyên sinh dẻo dai, khó rách khi lột bỏ, được xử lý tĩnh điện để dễ dàng bám dính vào bề mặt cần che chắn, chịu được nhiệt độ trong phòng sấy.
- Thao tác nhanh chóng, dễ dàng áp dụng trên nhiều bề mặt khác nhau.

BĂNG KEO GIẤY

Băng keo giấy là loại băng keo 1 mặt, được kết hợp giữa một màng giấy crepe mỏng, dai, chắc, dễ xé cùng với một lớp keo chuyên dụng đặc biệt có độ bám dính vừa phải, không để lại vết keo khi bóc ra và không làm bong tróc lớp sơn; che phủ lớp sơn hiện hữu, giúp cho quá trình phun sơn cục bộ lớp sơn mới không bị lem, tăng độ thẩm mỹ.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT	
Tổng độ dày, μm	145 ± 10
Độ bám dính ban đầu, Ball No	≥ 8
Độ bền bóc tách, N/25mm	≥ 7
Khả năng bám dính, hrs	$\geq 4,5$
Độ bền kéo, N/cm	≥ 26
Quy cách/Đóng gói	Cuộn 20 x 30.000 mm; 15 cuộn /cây; 225 cuộn/bao
	Cuộn 30 x 30.000 mm; 15 cuộn/cây; 150 cuộn/bao
	Cuộn 48 x 30.000 mm; 6 cuộn/cây; 90 cuộn/bao
	Cuộn 96 x 30.000 mm; 3 cuộn/cây; 45 cuộn/bao

ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT

- Bề mặt vật cần dán phải sạch, khô, không dầu mỡ và các chất bẩn.
- Dán trực tiếp lên bề mặt cần che trong quá trình sử dụng, dễ dàng tháo gỡ sau khi dùng.



BĂNG KEO XỐP HAI MẶT

Băng keo xếp hai mặt thích hợp với việc dán, chống va chạm và được dùng cho đồ trang trí ô tô, có thể dùng cho trang trí cửa sổ bên ngoài và hàng ngàn ứng dụng khác, bao gồm nhà ở, văn phòng, nhà xưởng, sân vườn và garage.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT	
Ngoại quan	Màu đen
Độ dày (mm)	1,0 ± 0,1
Độ bám dính (kg/25mm)	1,6 – 2,8
Khả năng bám dính (hr/kgx25 mm)	>24
Phạm vi nhiệt độ (°C)	0 ÷ 95
Quy cách/Đóng gói	Cuộn 15 x 9.000 mm; 20 cuộn/cây; 160 cuộn/bao
	Cuộn 20 x 9.000 mm; 15 cuộn/cây; 120 cuộn/bao

ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT

- Băng keo xếp hai mặt được cuộn với giấy chống dính. Băng keo được cắt với chiều dài nhất định. Để sử dụng, chỉ cần bóc tách lớp giấy chống dính. Bề mặt sử dụng phải khô, sạch, không có bụi bẩn và dầu. Nhiệt độ thi công 15 °C – 40 °C.

BĂNG KEO TRONG

Băng keo trong: là loại băng keo có tính năng kết dính, cấu tạo gồm lớp màng nhựa (màng film BOPP, PVC...) và lớp keo. Ứng dụng dùng để liên kết các vật lại với nhau khi đóng gói hàng hóa, ngành công nghiệp hay trong văn phòng phẩm.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT	
Ngoại quan	Trong suốt
Độ dày (µm)	45
Độ bám dính (g/25mm)	> 500
Độ bền kéo (MPa)	Min. 140
Độ giãn dài (%)	Max. 180
Quy cách/Đóng gói	Cuộn 48 mm x 80 Yard; 6 cuộn/cây; 120 cuộn/bao

ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT

- Bề mặt vật cần dán phải sạch, khô, không dầu mỡ và các chất bẩn.
- Tháo cuộn băng keo và dán trực tiếp lên bề mặt cần sử dụng.